

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2024

*“Về việc ly hôn và tranh chấp
nuôi con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Sơn Thị Sô Tha.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Lương Hữu Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Kim Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

- ***Hỗ trợ kỹ thuật tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã Tập Sơn:*** Ông Trần Văn Tấn, Thẩm phán sơ cấp, công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 312/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kim Thị O, sinh ngày 10/3/1988, có mặt.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Anh Trần Trung Hiếu, sinh năm 1990, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kim Thị O trình bày: Do được gia đình mai mối và trải qua thời gian tìm hiểu nên chị và anh Trần Trung H có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, trước sự đồng ý

và cho phép của hai bên gia đình anh, chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh ngày 08/01/2015. Sau ngày cưới vợ chồng đi làm thuê ở tỉnh Đồng Nai được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường cự cãi do anh H bị bệnh rối loạn não, thần kinh bị phân liệt nên anh H đã về quê sinh sống, còn chị vẫn ở Đồng Nai làm thuê. Từ khi anh H về quê chị và anh H không có liên lạc nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, từ lúc ly thân anh, chị không ai tạo điều kiện hàn gắn. Nay xét thấy, cuộc sống hôn nhân của anh, chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Tên Trần Kim Phương Th, sinh ngày 24/6/2016, chị thống nhất giao anh H được tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án anh Trần Trung H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị O về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Sau khi cưới vợ chồng anh đi làm thuê tại tỉnh Đồng Nai được khoảng 01 năm, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau nên khi anh bị bệnh về quê sinh sống thì vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi anh bệnh chị O cũng không chăm sóc và không ai liên hệ ai, nay sức khỏe anh đã ổn định và tinh thần minh mẫn nên anh đồng ý ly hôn với chị O.

Về con chung: Tên Trần Kim Phương Th, sinh ngày 24/6/2016 từ nhỏ đến nay đều do anh và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng; nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến cháu Trần Kim Phương Th, sinh ngày 24/6/2016 nếu cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn sống với cha.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Về hôn nhân: Chị Kim Thị O được ly hôn với anh Trần Trung H.
- Về con chung: Giao con chung tên Trần Kim Phương Th, sinh ngày 24/6/2016 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng (cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thảo), ghi nhận sự tự nguyện của chị Kim Thị O về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu nên không giải quyết
- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do anh Trần Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt của đương sự Trần Trung Hiếu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị O và anh Trần Trung H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn xong vợ chồng cùng nhau lên tỉnh Đồng Nai làm thuê, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường cự cãi nhau, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2017 khi anh H bị bệnh thì về nhà cha, mẹ ruột sinh sống đến nay; kể từ khi anh H về quê thì vợ chồng không ai tạo điều kiện hàn gắn, anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trung H. Anh Trần Trung H cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau nên khi anh về quê sinh sống và trị bệnh. Từ khi anh về quê sinh sống vợ chồng có liên lạc với nhau được một thời gian ngắn thì chị O cũng không còn liên lạc gì với anh H, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nên anh H thống nhất ly hôn với chị O. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị O và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, tuyên xử cho chị Kim Thị O được ly hôn với anh Trần Trung H.

[3] Về con chung: Giao cháu Trần Kim Phương Th, sinh ngày 24/6/2016 cho anh Trần Trung H tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với ý kiến của con muốn sống cùng với anh H). Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Kim Thị O đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kim Thị O và anh Trần Trung H xác định không có, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát trong việc giải quyết vụ án là có căn cứ được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Kim Thị O là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân hôn nhân thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Kim Thị O được ly hôn với anh Trần Trung H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Kim Phương Th, sinh ngày 24/6/2016 (cũng phù hợp với ý kiến của con muốn sống cùng với anh H) cho anh H được tiếp tục nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Kim Thị O là chị O cấp dưỡng nuôi con Trần Kim Phương Th, sinh ngày 24/6/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Cấp dưỡng cho đến khi cháu Trần Kim Phương Th, sinh ngày 24/6/2016 đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của chị O theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng của chị O được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Vì quyền lợi và mọi mặt của cháu Th, chị O có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; chị O có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kim Thị O phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), tiền án phí và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị O đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0018390 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Về án phí cấp dưỡng: Chị Kim Thị O phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Đương sự,
- VKSND huyện Trà Cú,
- TAND tỉnh Trà Vinh,
- CCTHADS huyện Trà Cú,
- UBND xã T,
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Sơn Thị Sô Tha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu Thanh – Nguyễn Thị Anh Đào

Sơn Thị Sô Tha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu Thanh – Ngô Thị Oanh Kiều

Sơn Thị Sô Tha

